

Bản án số: 51/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 29-9-2020

V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Ông Trần Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 338/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim P**, sinh năm: 1972; Trú tại: Kxx/xx đường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1976; Trú tại: Kxx/xx đường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Trần Thị Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với ông Nguyễn Văn C vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tính và quan điểm sống của chúng tôi không hợp nhau, vợ

chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Tôi xác định 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/3/2000 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 23/06/2001.

Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

**Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2020, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của bà P về thời gian, điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay bà P khởi kiện ly hôn, tôi không đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/3/2000 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 23/06/2001.

Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Trần Thị Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết. Án phí HNGĐ-ST bà Trần Thị Kim P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm

sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn" quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C nhưng ông C vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà Trần Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 01 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Bà P cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc.

Tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 10/9/2020 thể hiện: Ông C không đồng ý ly hôn, ông có xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành khi có đầy đủ cha và mẹ.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Mỗi quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi cả hai vợ chồng cùng yêu thương, cùng nhau xây dựng gia đình, cùng nhau có trách nhiệm, chăm sóc cũng như tạo mọi điều kiện cho nhau trong cuộc sống. Trong quá trình chung sống, bà P và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không sống cùng nhau, không có sự quan tâm cần thiết, ông C không có hướng phấn đấu tốt để vợ chồng có thể hòa hợp. Mặc dù, bà P đã tạo cho ông C nhiều cơ hội để sửa chữa những nhược điểm của bản thân ông nhưng ông C vẫn không khắc phục. Việc ông C vẫn mong muốn bà P cho ông một cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng bà P vẫn cương quyết không tha thứ, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích cuộc hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài quan hệ vợ chồng như vậy cũng không đem lại kết quả mà chỉ gây ra sự đau khổ cho cả hai và ảnh hưởng đến sự phát triển của con sau này. Xét thấy việc mâu thuẫn tồn tại trong đời sống vợ chồng của các đương sự

là có thật, phù hợp với xác minh tại địa P cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Bà P và ông C xác định có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/3/2000 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 23/06/2001. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự thống nhất trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[6] *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim P đối với ông Nguyễn Văn C về việc "Ly hôn".

Tuyên xử:

1. Cho bà Trần Thị Kim P được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Bà P và ông C xác định có 02 con chung tên Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 21/3/2000 và Nguyễn Thị Ngọc Vy, sinh ngày 23/06/2001. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Kim P phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002168 ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2020). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Chính Gián;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Bảo Huyền Trân